

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-PT

Ngày 01- 3-2021

V/v Tranh chấp BTTH do tài sản
bị xâm phạm và Quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hải

- *Các thẩm phán:* Bà Hà Thị Phương Thanh

Bà Võ Bích Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên.

Từ ngày 24/02 đến ngày 01/3/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2018/TLPT-DS ngày 04/12/2018 về việc: “Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm và quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 91/2018/DSST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 307/2020/QĐPT – DS ngày 28/12/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Ông **Phạm Xuân T**, sinh năm 1958; (có mặt)

2. Bà **Lê Thị Thu H**, sinh năm 1964. (vắng mặt)

Cùng cư trú: 124, Nguyễn Việt Hồng, phường An P, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bà Hằng ủy quyền cho ông **Lê Cảnh T**, sinh năm: 1978. Cư trú: 2/118D, đường Lê Lai, phường An P, quận N, thành phố Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 20/01/2021) (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Bùi Thanh H**, sinh năm 1967;

Bà **Nguyễn Kim D**, sinh năm 1970; (có mặt)

Cùng cư trú: 108/41/5H, Nguyễn Việt Hồng, phường An P, quận N, thành phố Cần Thơ.

Ông Bùi Thanh Hùng chết vào ngày 25/5/2020. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hùng.

1. Chị **Bùi Huỳnh Mỹ H**, sinh năm: 1991; (Có mặt)

2. Em **Bùi Nguyễn Minh H**, sinh năm: 1999; (Vắng mặt)

Cùng cư trú: 88/9 đường Cách Mạng Tháng tám, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Cháu **Bùi Gia H**, sinh năm: 2006 hiện chung sống với bà D và là đại diện hợp pháp của cháu H. Cư trú: 108/41/5H, Nguyễn Việt Hồng, phường A, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ. (bà Duy có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bà Duyên là **Luật sư Trần Thanh P** – Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* **Bị đơn Ông Bùi Thanh H, bà Nguyễn Kim D.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn trình bày:

Ông bà là chủ sử dụng của phần đất có diện tích 94m², thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại 124 Nguyễn Việt Hồng, phường An P, quận N, thành phố Cần Thơ. Ông bà đã xây nhà ở ổn định trên phần đất này từ năm 1992, đến năm 1994 thì được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận địa chính số 410 ngày 28/9/1994. Vào ngày 03/02/2013 vợ chồng ông H, bà D đã tự ý lấn mương thoát nước (đoạn giáp giữa nhà ông bà và nhà bị đơn) và đập bỏ bức tường rào của bà đã xây dựng từ trước đến nay. Bà đã tường trình sự việc đến Ủy ban nhân dân phường A và các cơ quan ban ngành có liên quan. Trong cuộc họp ngày 05/4/2013 bà D thừa nhận việc đập bức tường nhà bà và đồng ý xây lại bức tường trong thời hạn 10 ngày, nhưng sau đó bà D không xây lại như đã cam kết.

Do vậy, ông bà có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà D phải xây lại cho bà bức tường rào cao 1m50, chiều ngang 4m7. Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/6/2016 phía nguyên đơn yêu cầu được công nhận phần diện tích đất đến hết bức tường rào đã bị vợ chồng bà D đập.

Phía bị đơn đại diện bà D trình bày:

Ông H bà D là chủ sử dụng phần đất có diện tích 49,50m², thuộc thửa 514, tờ bản đồ số 12, đã được Ủy ban nhân dân quận N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00069 ngày 17/8/2004. Phần sau nhà của ông bà có vị trí giáp với phần sau nhà của nguyên đơn, giữa hai nhà có tồn tại một mương thoát nước có chiều ngang 0,5m. Đây là chỗ thoát nước của gia đình ông bà đã tồn tại từ trước và được thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên trong quá trình xây nhà phía ông T, bà H đã xây dựng lấn chiếm mương thoát nước này, làm gia đình không có chỗ thoát nước. Ông bà đã nhiều lần nhắc nhở nhưng phía

nguyên đơn vẫn không chịu khắc phục. Vì ảnh hưởng đến sinh hoạt của gia đình, nên ông bà đã tiến hành tháo dỡ bức tường trên nền đất thuộc gia đình để cải tạo đường thoát nước.

Nay, ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông bà xây dựng lại bức tường rào, vì phần tường rào này nằm trên phần đất của ông bà. Phía nguyên đơn đã sử dụng hết diện tích đất của mình, còn lấn luôn phần mương thoát nước của ông bà nên không có cơ sở để buộc ông bà bồi thường. Nay ông bà có đơn phản tố yêu cầu buộc nguyên đơn phải có trách nhiệm tháo dỡ công trình, vật kiến trúc để trả lại phần mương thoát nước chung giữa hai nhà có diện tích ngang 0,5m x dài 04m.

Ngày 08/6/2017, phía bị đơn có đơn phản tố bổ sung: Yêu cầu Tòa án xem xét hủy Công văn số 3469/UBND ngày 03/11/2014 của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận N về việc trả lời khiếu nại của ông bà. Đối với yêu cầu phản tố bổ sung của phía bị đơn về việc yêu cầu Tòa án hủy công văn số 3469 ngày 03/11/2014 của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận N, đây là yêu cầu về giải quyết hủy quyết định hành chính, thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp tỉnh. Do vậy, ngày 04/7/2017, Tòa án nhân dân quận N đã có Quyết định chuyển vụ án số 13/2017/QĐ.CVA chuyển vụ tranh chấp này đến Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết theo thẩm quyền. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ có công văn số 693 ngày 17/11/2017, chuyển lại vụ kiện này cho Tòa án nhân dân quận N với lý do không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Do không thương lượng được cách giải quyết nên Tòa án được đưa ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 91/2018/DSST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Bùi Thanh H và bà Nguyễn Kim D phải có nghĩa vụ xây lại bức tường rào có diện tích 3,72m² (cao 0,8m, ngang 4,65m), cho phía nguyên đơn, tại vị trí chân tường rào đã bị phá bỏ, liền ngay phía sau nhà của nguyên đơn, thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại 124 Nguyễn Việt Hồng, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (*bức tường tại vị trí được đánh ký hiệu B theo bản trích đo địa chính ngày 05/9/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường*).

- Công nhận phần diện tích 0,8m² tại vị trí được đánh ký hiệu B theo bản trích đo địa chính ngày 05/9/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, thuộc quyền sử dụng của ông Phạm Xuân T và bà Lê Thị Thu H – đất thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 12, giấy xác nhận địa chính số 410/XNĐC ngày 28/9/1994 do Sở địa chính tỉnh Cần Thơ cấp cho bà Lê Thị Thu H.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn phải tháo dỡ công trình xây dựng, trả lại phần nương thoát nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định tài sản tranh chấp và quyền kháng cáo của đương sự.

Không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tuyên xử ngày 02/11/2018 ông Bùi Thanh H và bà Nguyễn Kim D kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía đại diện theo ủy quyền nguyên đơn cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Du được cấp có thể hiện nương phía trước và nương phía sau nhà. Bà D đã chiếm dụng hiện trạng. Bà D bị mất đất là do mở rộng hẻm từ 2m ngang lên 2.92m nên không thể nói nguyên đơn lấn đất. Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý với bản án sơ thẩm mà Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tuyên xử.

Luật sư Trần Thanh P bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Để chứng minh ai lấn ranh thì cần căn cứ vào con nương. Năm 2002 rãnh nước 0.5m mét vẫn còn. Bản án sơ thẩm xác định rãnh nước nằm trên đất bà Duyên là không đúng. Bà D không lấn đất, kết quả đo đạc thì thiếu nếu dư thì cũng nằm trên con nương. Đề nghị bác đơn khởi kiện của nguyên đơn và sửa án sơ thẩm.

Bị đơn bà D trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ phần đất của nguyên đơn bị giải tỏa là bao nhiêu mét vuông. Bà H được cấp 94m² chưa tiếp giáp với nương nên Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót nghiêm trọng không xem xét đến chứng cứ trên. Bị đơn có phản tố yêu cầu hủy Công văn của Ủy ban nhân dân quận N nhưng tòa án cấp sơ thẩm không xem xét. Do đó, đề nghị hủy án án sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện như sau: Quá trình thụ lý và giải quyết thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đúng quy định pháp luật của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đất của ông T, bà H có nguồn gốc nhận chuyển nhượng vào năm 1992. Năm 1994 được Sở Địa chính tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận diện tích 94m² đo đạc thực tế theo trích đo địa chính ngày 07/11/2019 thì diện tích đất của nguyên đơn còn 77, 1m², nếu cộng với phần đường giải tỏa và phần đất đang tranh chấp là 0,8m² thì diện tích đất của nguyên đơn vẫn thiếu so với giấy được cấp năm 1994. Phần đất của ông H bà D nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Duy A vào năm 2004. Ông H bà D được cấp giấy chứng nhận vào năm 2004 với diện tích là 49,5m² theo kết quả đo đạc cấp phúc thẩm là 47,6m² (thiếu 1,9m² so với giấy được cấp) nếu cộng cả phần đất trống mà bị đơn sử dụng là

2,02m² thì đất ông H bà D dư 0,12m² nếu cộng cả phần tranh chấp là 0,8m² thì đất ông H bà D dư 0,92m².

Phía trước nhà bị đơn có hẻm công cộng trước ghi ngang là 1,5m nhưng nay đo đạc thực tế lên chiều ngang là 2,92m phần hẻm này rộng hơn rất nhiều so với phần hẻm ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn. Phần đất tranh chấp bị đơn đã tự ý đập bỏ bức tường giáp ranh giữa hai bên, bà D thừa nhận là việc làm của mình là sai và hứa sẽ xây dựng lại. Tại phiên tòa phúc thẩm yêu cầu của bà D và bài phát biểu của luật sư bảo vệ của bà không nhất quán. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm theo khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự bác kháng cáo của bị đơn.

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào quá trình thẩm vấn và kết quả tranh luận tại phiên tòa của các bên đương sự, ý kiến luật sư bảo vệ quyền lợi của bị đơn và quan điểm của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét quan hệ pháp luật thì đây là vụ án dân sự “Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm và quyền sử dụng đất” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do vụ kiện tranh chấp diễn ra trước khi áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để áp dụng là phù hợp.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn thì kháng cáo này trong hạn luật định, có nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên hợp lệ. Trong quá trình thụ lý và giải quyết cấp phúc thẩm ông Bùi Thanh H chết nên Tòa án cấp phúc thẩm đưa những người thừa kế tố tụng quyền và nghĩa vụ của ông H là chị Bùi Huỳnh Mỹ H, em Bùi Nguyễn Minh H và cháu Bùi Gia H vào tham gia tố tụng theo quy định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, khởi kiện bổ sung, đơn phản tố và phản tố bổ sung của nguyên đơn, bị đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn có hai yêu cầu là yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp có diện tích 0,8m² là đất của nguyên đơn và yêu cầu thứ hai là yêu cầu bị đơn phải xây trả lại bức tường mà bị đơn đã dỡ bỏ.

Xét phần đất tranh chấp có diện tích 0,8m² Hội đồng xét xử nhận thấy: Phần đất của nguyên đơn có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng vào năm 1992, đến ngày 28/9/1994 được Sở địa chính tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp Giấy xác nhận địa chính số 410 (cho bà Lê Thị Thu H), diện tích được cấp là 94m². Theo đo đạc thực tế hiện là 77,1m² (thiếu 16,9m²). Diện tích bị thiếu này phía nguyên đơn xác định là do bị ảnh hưởng của việc mở rộng lộ giới khi mở rộng hẻm 108 thành đường Nguyễn Việt Hồng như hiện nay. Phần đất của bị đơn có nguồn

gốc là được tách thửa từ phần đất của ông Nguyễn Duy A, vào năm 2004, thông qua hợp đồng chuyển nhượng. Đất của bị đơn được Ủy ban nhân dân quận N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00069 ngày 17/8/2004 (cho ông Bùi Thanh H và bà Nguyễn Kim D), diện tích được cấp là $49,50\text{m}^2$, diện tích theo đo đạc thực tế là $47,8\text{m}^2$ (thiếu $1,7\text{m}^2$ – chưa tính phần mương thoát nước $2,1\text{m}^2$ phía sau).

Theo kết quả đo đạc của cấp sơ thẩm thể hiện: Phía trước nhà của bị đơn, có phần hẻm công cộng được ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $1,5\text{m}$, nhưng nay theo đo đạc thực tế, chiều ngang hẻm hiện hữu là $2,95\text{m}$ (hẻm rộng $2,45\text{m}$ + mương thoát nước $0,5\text{m}$). Phần hẻm thực tế hiện nay rộng hơn nhiều so với chiều ngang hẻm được ghi nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn. Phần mương phía sau là mương thoát nước công cộng $0,5\text{m}$. Qua đo đạc, thẩm định hiện trạng thực tế thì hiện trạng đất mà bị đơn đang sử dụng vẫn có đường thoát nước hiện hữu (nhưng hiện bị đơn cũng đã tráng phần đất này lại để sử dụng), đây là phần mương để thoát nước công cộng, không thuộc quyền sử dụng của riêng ai.

Việc bị đơn cho rằng, vì nguyên đơn lấn chiếm phần mương thoát nước công cộng nên gia đình bà đã phải tự thụt lùi vào phần đất của mình để làm mương thoát nước như hiện nay là không có căn cứ bởi: Diện tích mà bị đơn hiện đang quản lý, sử dụng cũng không bị chênh lệch nhiều so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Việc bị thiếu ở hai cạnh chiều dài đất một cạnh là $0,27\text{m}$ và một cạnh $0,22\text{m}$ là do bị ảnh hưởng ở phần hẻm phía trước nhà của bị đơn như đã phân tích trên. Phần mương thoát nước phía sau hiện nay vẫn còn hiện hữu và cũng do bị đơn đang chiếm sử dụng nên không có căn cứ để cho rằng nguyên đơn đã lấn chiếm đất của bị đơn.

Kết quả đo đạc cấp phúc thẩm vẫn xác định vị trí tranh chấp là $0,8\text{m}^2$ theo kết quả đo đạc cấp phúc thẩm thì diện tích đất của bị đơn là $47,6\text{m}^2$ (thiếu $1,9\text{m}^2$ so với giấy được cấp) không chênh lệch bao nhiêu so với kết quả đo đạc cấp sơ thẩm ($47,8\text{m}^2$) nếu cộng cả phần đất trống mà bị đơn sử dụng là $2,02\text{m}^2$ thì đất ông H bà D dư $0,12\text{m}^2$ nếu cộng cả phần tranh chấp là $0,8\text{m}^2$ thì đất ông H bà D dư $0,92\text{m}^2$. Nguyên đơn là người đến ở và sử dụng phần đất này trước bị đơn, bức tường rào cũng đã có sẵn từ trước khi bị đơn đến sử dụng phần đất. Diện tích hiện nay mà nguyên đơn đang quản lý sử dụng là đúng với diện tích đất mà nguyên đơn đã được cấp. Do vậy, không có căn cứ để cho rằng nguyên đơn có hành vi lấn chiếm, xây dựng nhà trên mương thoát nước như bị đơn đã nại ra.

Như vậy, cần công nhận phần đất mà bị đơn đang tranh chấp (có diện tích $0,8\text{m}^2$), vị trí từ vách sau nhà của nguyên đơn đến vách tường rào (nay còn chân

tường), đã bị phía bị đơn phá bỏ cho phía nguyên đơn, song song với việc buộc bị đơn phải có nghĩa vụ phải xây lại cho nguyên đơn bức tường có chiều cao 0,8m, ngang 4,65m, độ dày là 1 viên gạch ống. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp cho bị đơn, bác yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận như đã phân tích trên. Đối với yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều hủy Công văn số 3469 ngày 03/11/2014 của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận N: Đây là yêu cầu riêng, độc lập muốn giải quyết thì xem xét thời hiệu của công văn. Tuy nhiên, nếu không giải quyết thì không thụ lý yêu cầu phản tố này và hướng dẫn cho đương sự khởi kiện thành vụ kiện khác nhưng Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã thụ lý nhưng lại không đưa Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều vào tham gia giải quyết là thiếu sót. Tuy nhiên, nếu hủy bản án vì thiếu sót này để xét xử lại thì không cần thiết vì công văn trên trả lời bất lợi cho bị đơn nên bị đơn không đồng ý là việc đương nhiên. Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm cũng không xem xét công văn trên là chứng cứ duy nhất để quyết định đến nội dung vụ kiện mà căn cứ vào nhiều chứng cứ khác. Do đó, nếu có hủy Công văn trên cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ kiện này. Chính vì vậy yêu cầu hủy án của bị đơn vì Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết quyết yêu cầu phản tố của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận như đã nhận định trên.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Chi phí đo đạc, thẩm định tài sản và phí trích đo bản vẽ lần 1 và lần 2 là: 6.000.000 đồng. Chi phí này do phía bị đơn tạm ứng. Nay yêu cầu của phía bị đơn không có căn cứ nên bị đơn phải chịu chi phí này theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Án phí dân sự: Tại cấp sơ thẩm nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại mà nguyên đơn được chấp nhận và 300.000 đồng đối với yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất không được chấp nhận. Tại cấp phúc thẩm bị đơn chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

[8] Chi phí thẩm định chữ ký, chữ viết, bị đơn chịu đã chi xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147; 157 và Khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 604, 605, 608 Bộ luật dân sự 2005; Điều 50, Điều 105, 135, 136 Luật đất đai 2003;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Kim D và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Thanh H gồm: Chị Bùi Huỳnh Mỹ H, Bùi Nguyễn Minh H, cháu Bùi Gia H (có bà Nguyễn Kim D giám hộ đại diện hợp pháp) phải có nghĩa vụ xây lại bức tường rào có diện tích 3,72m² (cao 0,8m, ngang 4,65m, độ dày 01 viên gạch ống) cho phía nguyên đơn, tại vị trí chân tường rào đã bị phá bỏ, liền ngay phía sau nhà của nguyên đơn, thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại 124 Nguyễn Việt Hồng, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (*bức tường tại vị trí được đánh ký hiệu B theo bản trích đo địa chính ngày 25/10/2019 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ kèm theo*).

Công nhận phần diện tích 0,8m² tại vị trí được đánh ký hiệu B theo bản trích đo địa chính ngày 05/9/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, thuộc quyền sử dụng của ông Phạm Xuân T và bà Lê Thị Thu H – đất thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 12, giấy xác nhận địa chính số 410/XNĐC ngày 28/9/1994 do Sở địa chính tỉnh Cần Thơ cấp cho bà Lê Thị Thu H.

Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn phải tháo dỡ công trình xây dựng, trả lại phần mương thoát nước.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 003316 ngày 04/05/2015 và 200.000 đồng theo biên lai thu số 002521 ngày 30/6/2016 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Bị đơn phải chịu 600.000 đồng chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003920 ngày 02/6/2017 thành án phí, bị đơn còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000510 ngày 02/11/2018 thành tiền án phí phúc thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, bị đơn đã nộp xong.

Về chi phí đo đạc, định giá: Tại cấp sơ thẩm là 6.000.000 đồng, tại cấp phúc thẩm là 5.000.000 đồng, bị đơn đã thực hiện xong.

Về chi phí thẩm định chữ ký, chữ viết: Là 6.000.000 đồng, bị đơn đã chi xong.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND quận Ninh Kiều;
- Chi cục THA quận Ninh Kiều ;
- Lưu (HS - 2b).

Đã ký

Nguyễn Văn Hải